



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Ngày 30/06/2025	12,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	11.8%	15.4%	23.4%

DT thuần Q2/25
0.68
tỷ VNĐ

LN thuần Q2/25
5.98
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.05 21.3%
YoY: ▼ 5.52 -48.0%

LN sau thuế Q2/25
5.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.07 22.2%
YoY: ▼ 4.31 -42.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
877%
YoY: +/- ▲ 154%

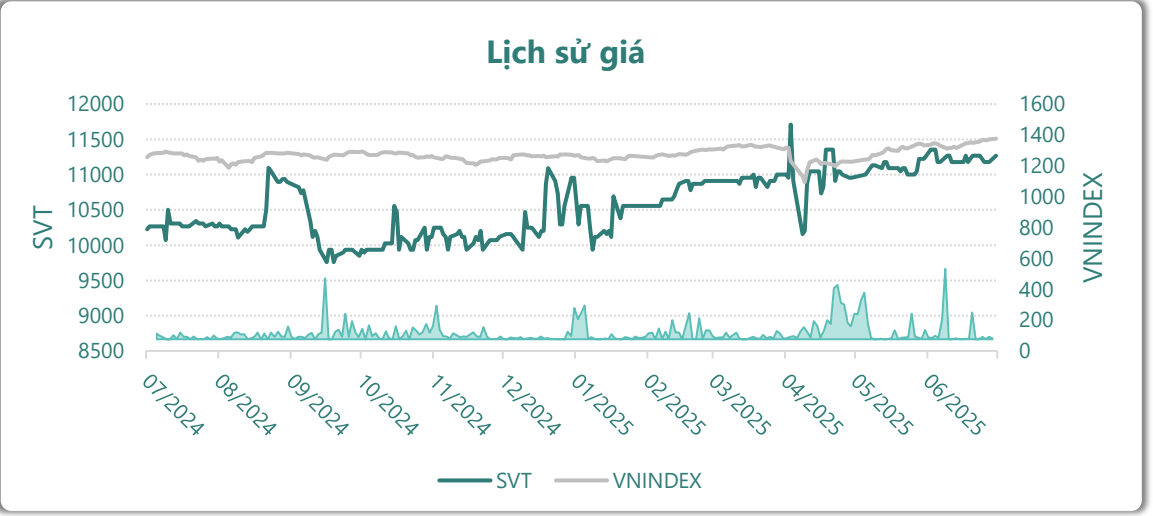
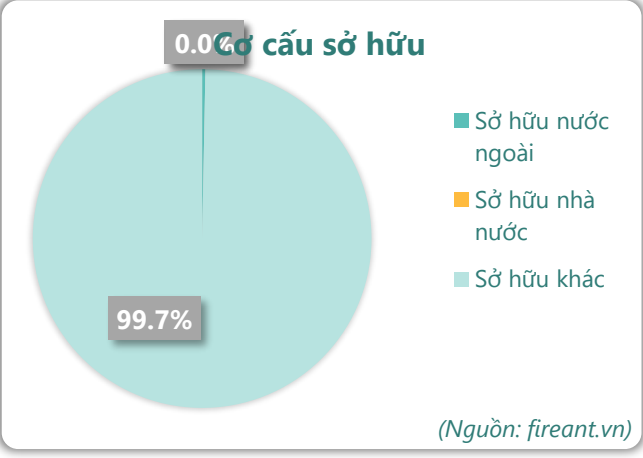
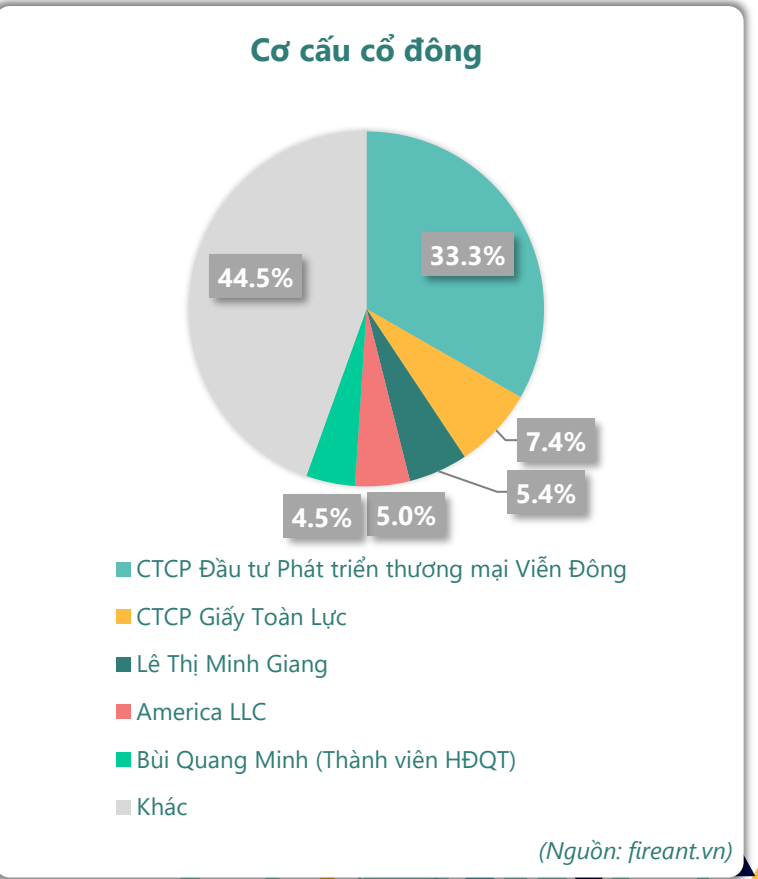
ROE (TTM) Q2/25
9.6%
YoY: +/- ▼ 2.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,759 - 11,711
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	220
Số lượng CPLH (CP)	17,310,978
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,035
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.30
EPS	1,374
P/E	9.2

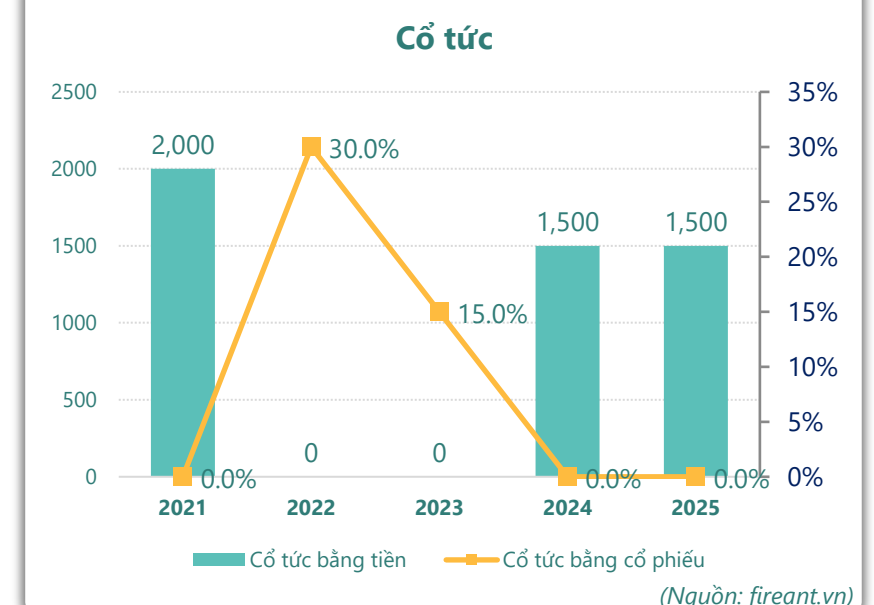
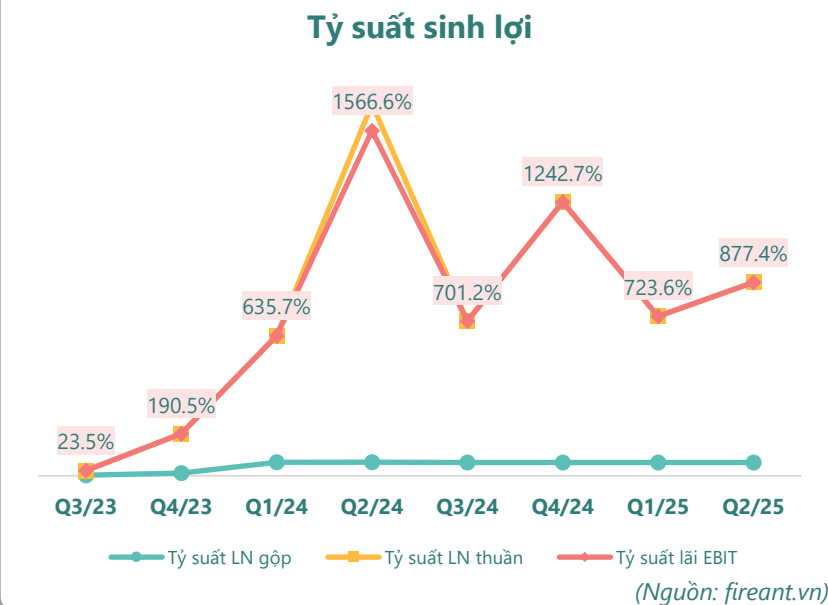
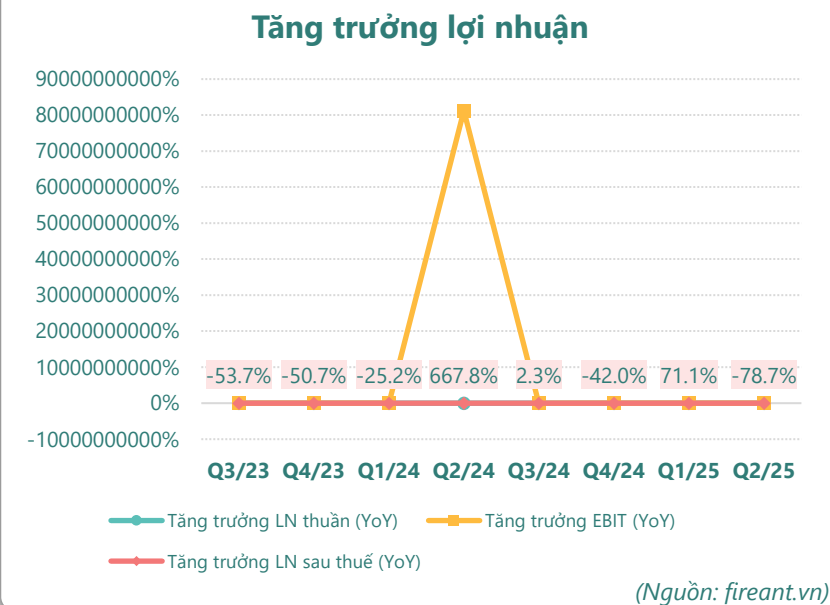
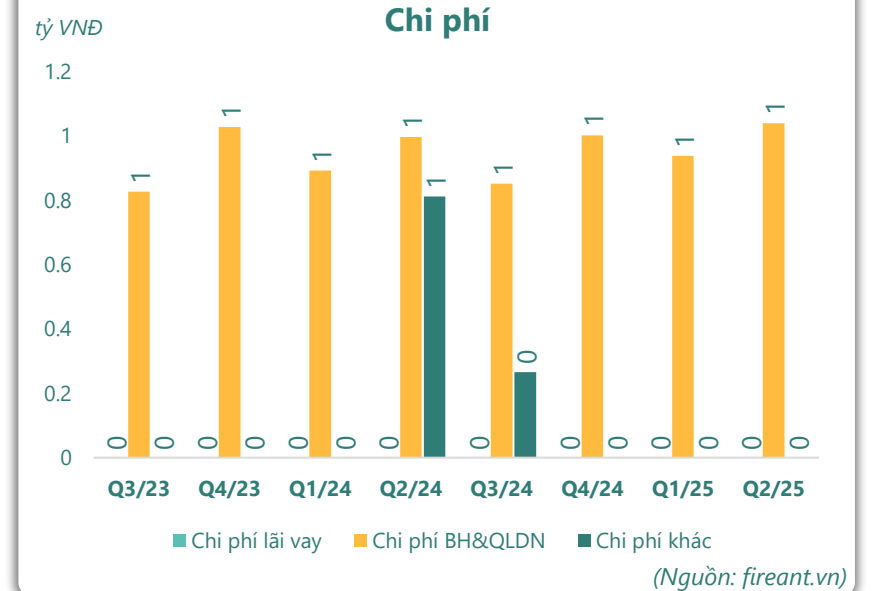
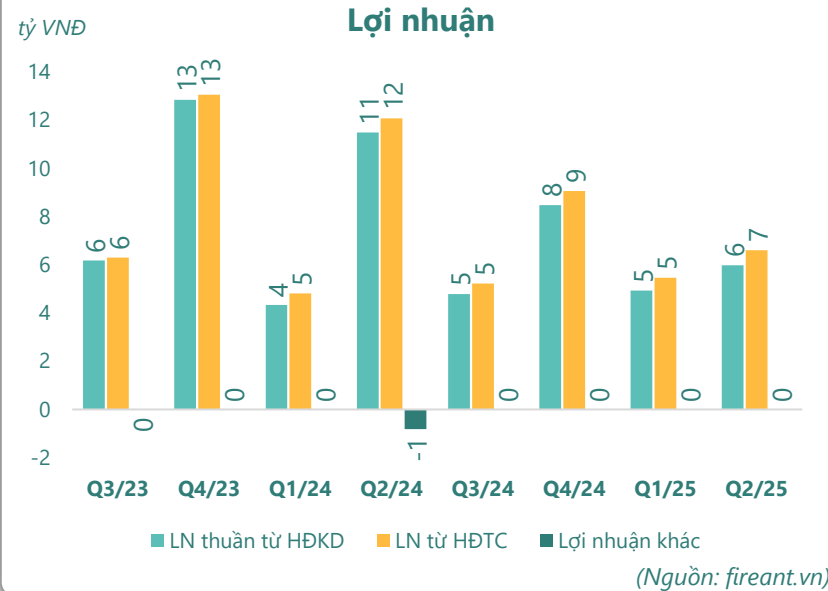
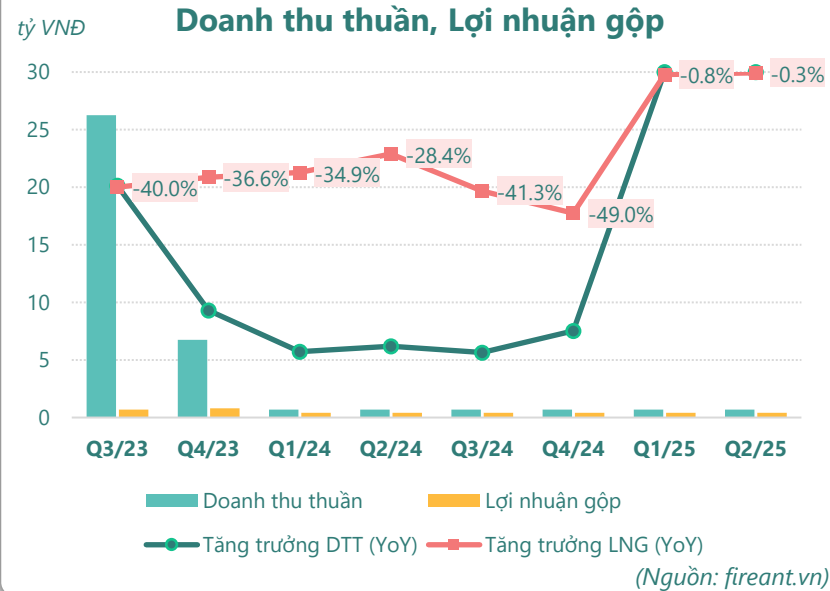
DT thuần 6T 2025
1.36
tỷ VNĐ

LN thuần 6T 2025
10.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 4.90 -31.0%

LN sau thuế 6T 2025
10.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 3.80 -26.2%



KẾT QUẢ KINH DOANH

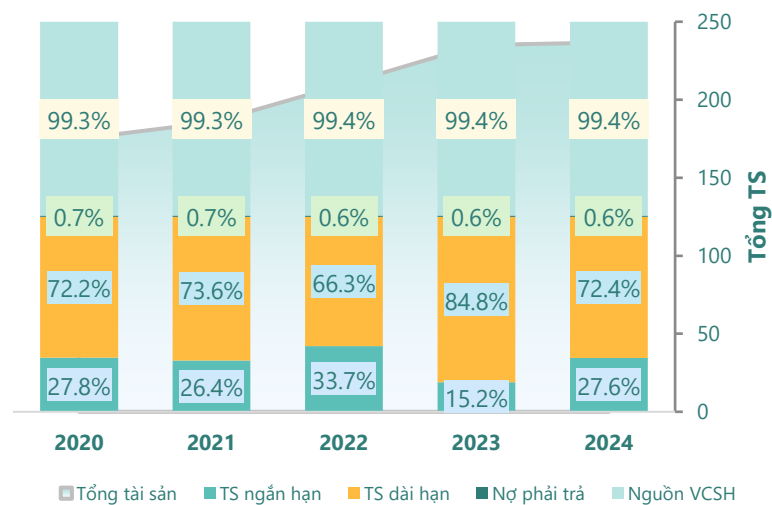




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

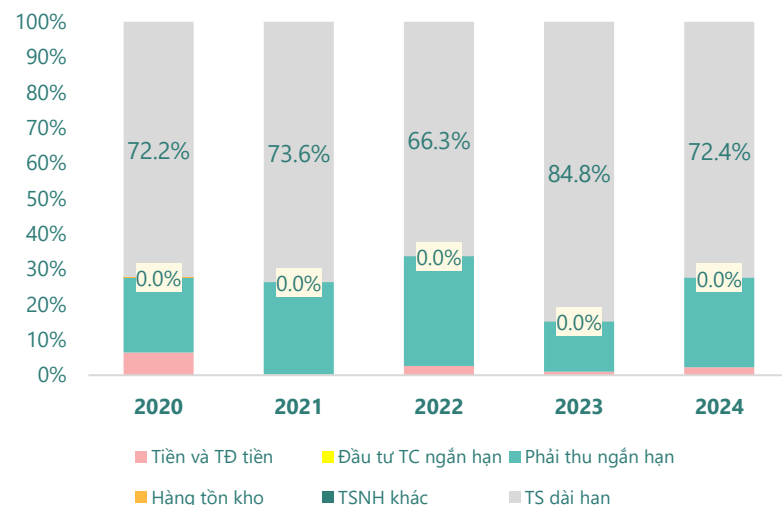
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

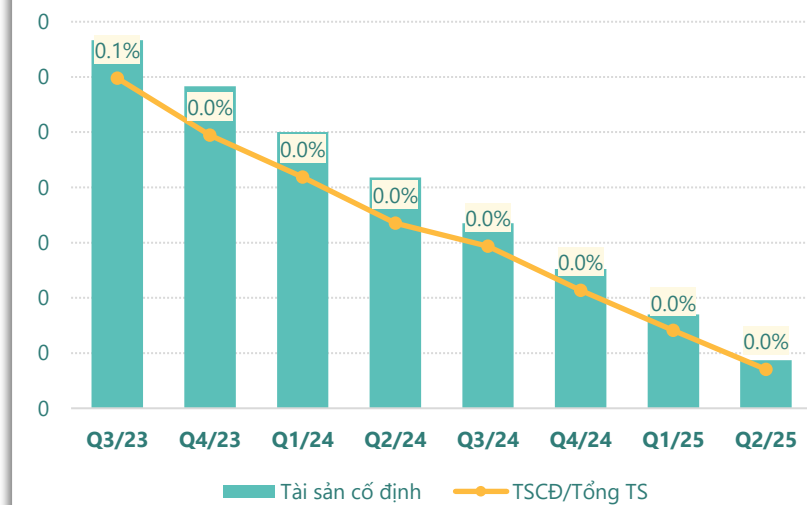
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

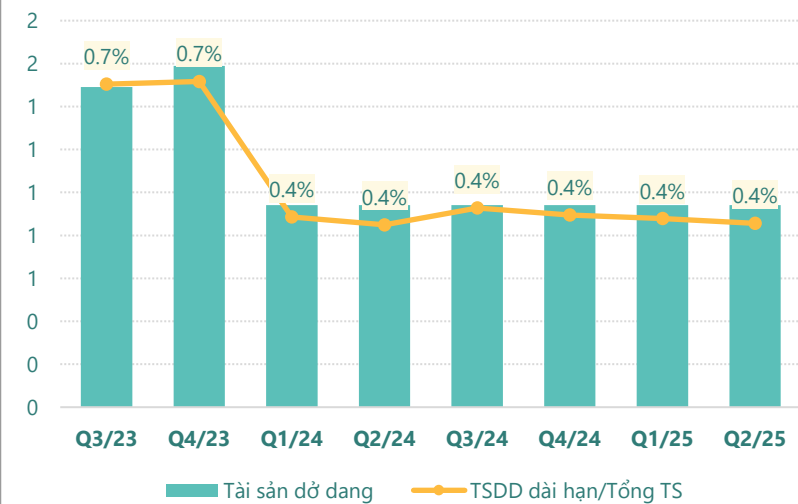
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

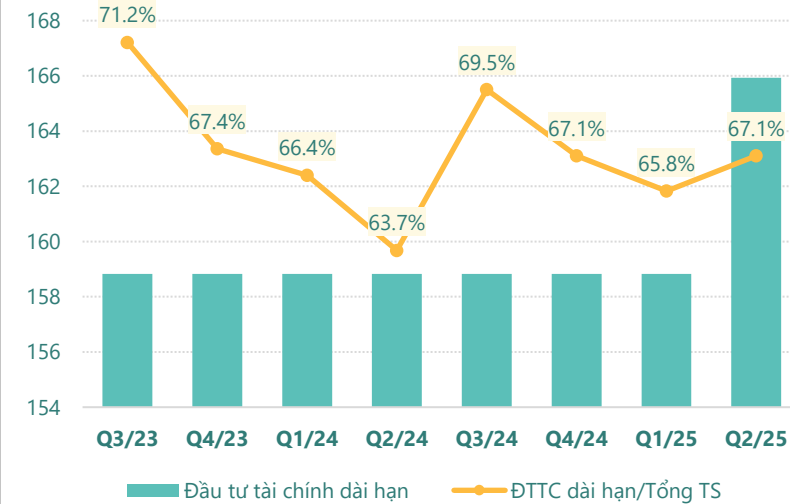
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

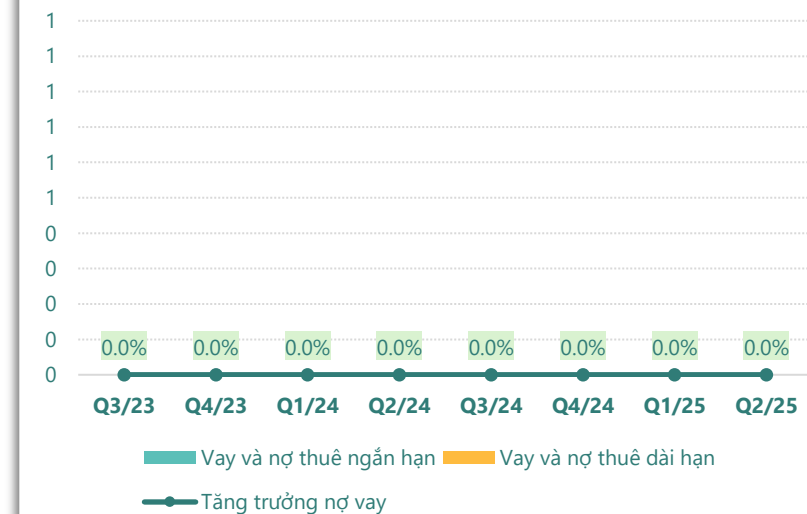
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

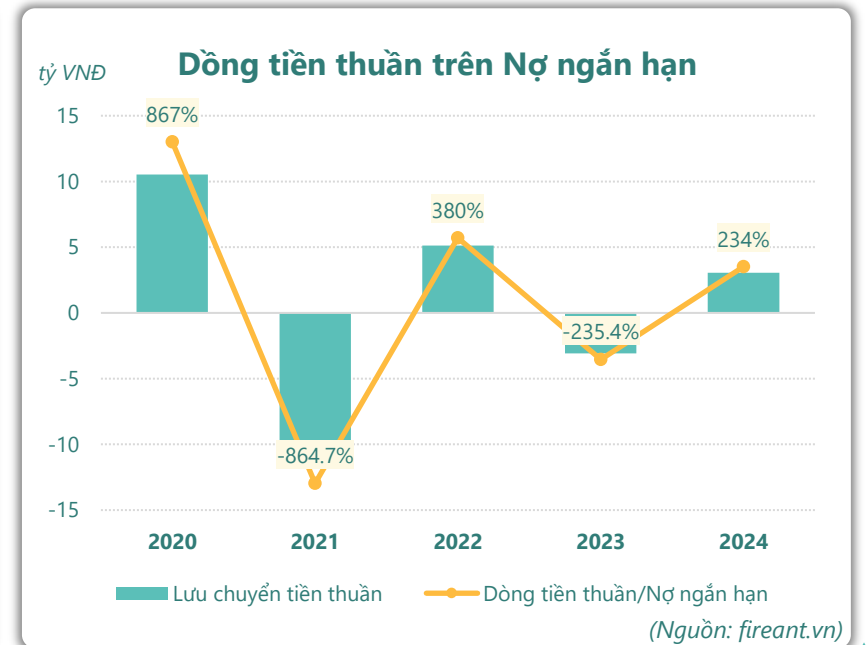
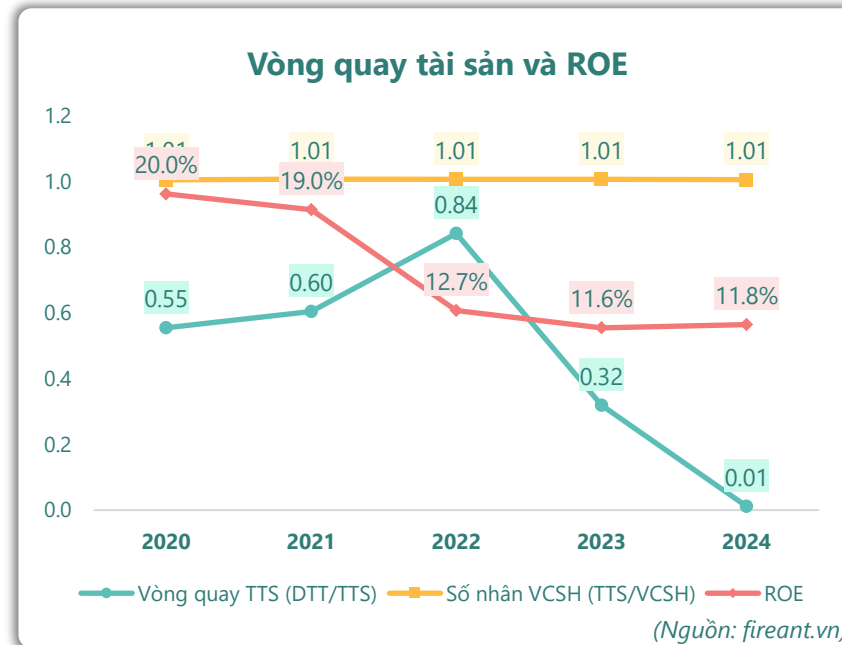
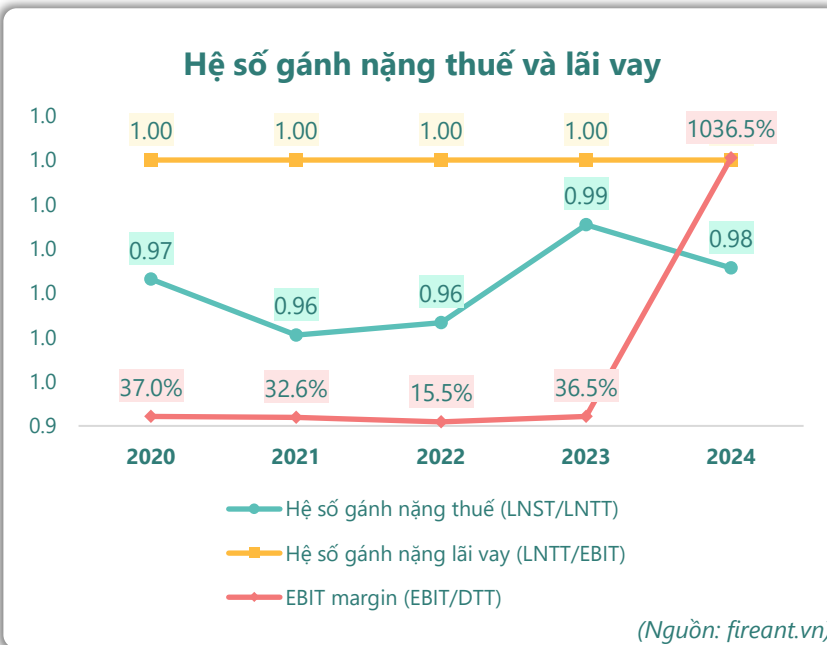
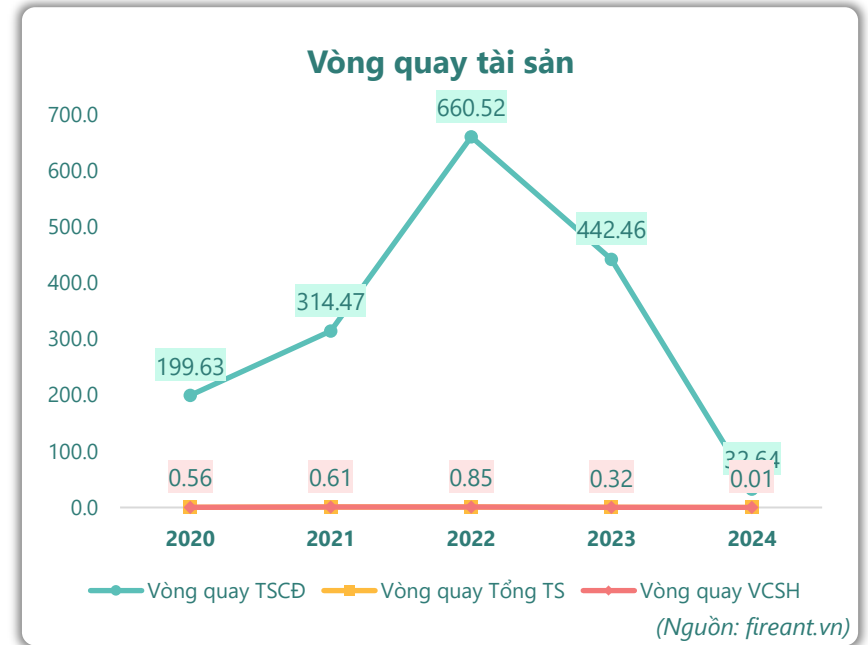
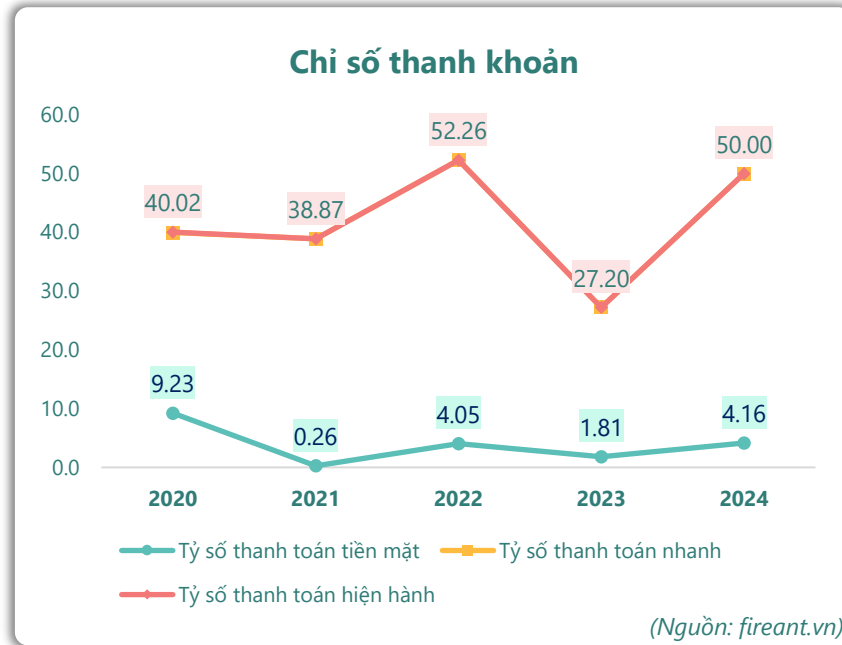
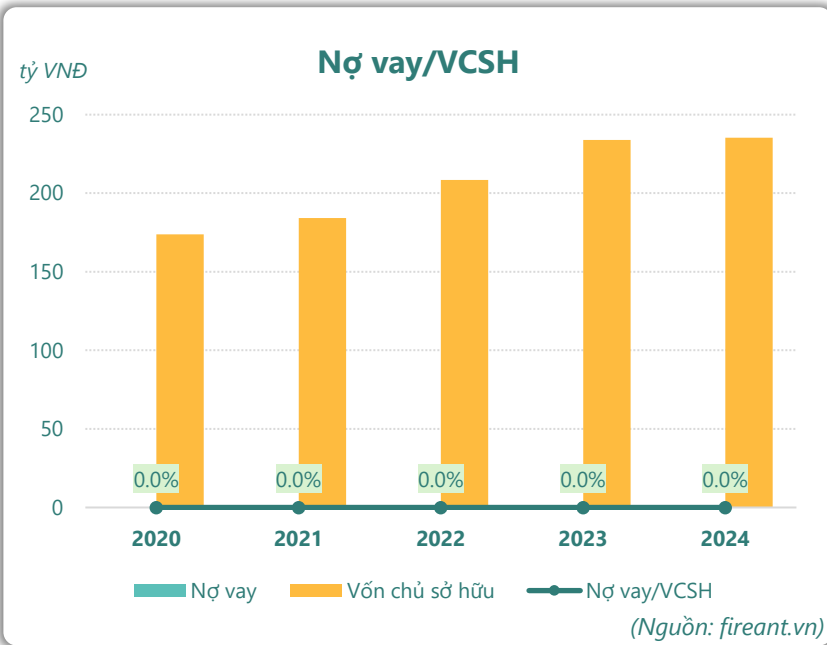
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0.68	0.68	0.3%	1.36	1.36	0.0%
Giá vốn hàng bán	0.27	0.27	-0.7%	0.54	0.53	0.8%
Lợi nhuận gộp	0.41	0.41	0.9%	0.83	0.83	-0.5%
Doanh thu HĐTC	6.61	12.1	-45.4%	12.1	16.9	-28.5%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.04	1.00	4.1%	1.98	1.89	4.7%
LN thuần từ HĐKD	5.98	11.5	-48.0%	10.9	15.8	-31.0%
Lợi nhuận khác	0	-0.81	100%	0	-0.81	100%
LN trước thuế	5.98	10.7	-44.1%	10.9	15.0	-27.3%
Lợi nhuận sau thuế	5.89	10.2	-42.3%	10.7	14.5	-26.2%
LNST của CĐ cty mẹ	5.89	10.2	-42.3%	10.7	14.5	-26.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.22	5.15	1.07	-0.92	-1.27	-1.34
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.39	-1.64	21.3	4.94	-1.79	0.69
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-25.6	-0.33	0	0
Tiền đầu kỳ	2.38	1.55	5.06	1.75	5.43	2.38
Lưu chuyển tiền thuần	-0.83	3.51	-3.30	3.68	-3.06	-0.65
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.55	5.06	1.75	5.43	2.38	1.73

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	247	237	4.5%
Tài sản ngắn hạn	69.4	65.4	6.1%
Tiền và tương đương tiền	1.73	5.43	-68.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	67.6	59.9	12.8%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.01	-100%
Tài sản dài hạn	178	171	3.9%
Phải thu dài hạn	0.09	0	
Tài sản cố định	0.02	0.05	-65.5%
Bất động sản đầu tư	10.7	11.2	-3.8%
Tài sản dở dang	0.94	0.94	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	166	159	4.5%
Tài sản dài hạn khác	0.20	0.32	-36.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.29	1.31	-1.3%
Nợ ngắn hạn	1.29	1.31	-1.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	246	235	4.5%
Vốn chủ sở hữu	246	235	4.5%
Vốn điều lệ	173	173	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

